

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2018/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 02 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành quy định quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 64 /TTr-SKHCN ngày 27 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ và các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- TT: TU, HĐND tỉnh; CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- CVP, các PCVP;
- TT Công báo - Tin học;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

- Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, VX5(100b).

Bùi Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận sáng kiến; việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến và quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú thọ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2. “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến đáp ứng các điều kiện và được công nhận theo Quy định này trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã; sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể cấp tỉnh; tổ chức và doanh nghiệp.

3. “Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh (gọi tắt là sáng kiến cấp tỉnh)” là sáng kiến cấp cơ sở, đã được nhân rộng hoặc có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh và được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận.

4. Các từ: “Hoạt động sáng kiến; chuyển giao sáng kiến; áp dụng sáng kiến lần đầu; tác giả sáng kiến; chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” được hiểu theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

Điều 3. Điều kiện xét công nhận sáng kiến

Điều kiện xét công nhận sáng kiến được quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

Sáng kiến đã được cấp cơ sở công nhận là sáng kiến cấp cơ sở mới đủ điều kiện xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

Chương II

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 4. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến, ký Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 5. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi tổ chức, đơn vị, địa phương mình phụ trách.

Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định, nhưng tối đa không quá 13 người.

b) Người đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia thành viên của Hội đồng khi xét sáng kiến đó.

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính

là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập. Thành phần gồm có Chủ tịch Hội đồng, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng (trong đó có 01 Phó Chủ tịch thường trực), 01 Ủy viên thư ký và các Ủy viên là đại diện lãnh đạo: Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và lãnh đạo một số sở, ngành, đơn vị liên quan; thành viên Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Số lượng thành viên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, nhưng tối đa không quá 13 người.

- Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;
- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nội vụ (phụ trách Ban thi đua khen thưởng tỉnh)
- Ủy viên thư ký là chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

Thành phần, số lượng thành viên của Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh ủy quyền cho Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh thành lập các Hội đồng chuyên môn để xem xét, đánh giá và tư vấn cho Hội đồng xét duyệt sáng kiến theo từng lĩnh vực. Hội đồng chuyên môn có từ 5 đến 7 thành viên. Các thành viên tham gia Hội đồng gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cán bộ kỹ thuật từ các ngành, lĩnh vực mà sáng kiến được xét duyệt. Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng chuyên môn do người có thẩm quyền quyết định thành lập quy định. Hội đồng chuyên môn tự giải thể sau khi hoàn thành đợt xét duyệt, đánh giá, công nhận sáng kiến.

b) Cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Người đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia làm thành viên của Hội đồng sáng kiến hoặc thành viên Hội đồng chuyên môn để xét sáng kiến đó.

d) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được sử dụng con dấu của UBND tỉnh và con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể; quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng;

b) Các thành viên Hội đồng tham gia đầy đủ các kỳ họp, khi vắng mặt phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét, đánh giá nội dung sáng kiến

(trong đó nêu rõ kết luận sáng kiến đạt hay không đạt) đến cơ quan hoặc bộ phận Thường trực Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được công nhận họp lệ.

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

a) Xây dựng, định hướng, tổ chức triển khai, quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

b) Tổ chức đánh giá khách quan, khoa học các giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy định này;

c) Tổ chức xét duyệt, công nhận sáng kiến cấp tỉnh;

d) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh cho phép áp dụng những sáng kiến và giải pháp có hiệu quả về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống;

e) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận;

g) Làm rõ, giải thích kiến nghị, đề nghị; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc xét, công nhận sáng kiến; áp dụng, chuyển giao sáng kiến và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người có thẩm quyền quyết định thành lập quy định.

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cấp cơ sở

a) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp cơ sở bao gồm:

- Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (Theo mẫu được quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ);

- Bản mô tả sáng kiến (Theo mẫu và hướng dẫn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này)

- Các tài liệu có liên quan đến sáng kiến (nếu có).

- Số lượng hồ sơ theo số lượng thành viên Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở.

b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến do Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở quy định.

2. Cấp tỉnh

Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh bao gồm:

- Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (Theo mẫu được quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ)

- Bản mô tả sáng kiến (theo mẫu và hướng dẫn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này)

- Tờ trình kèm theo quyết định công nhận sáng kiến của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và Giấy chứng nhận sáng kiến;
- Các tài liệu có liên quan (nếu có).
- Số lượng hồ sơ theo số lượng thành viên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 8. Đánh giá sáng kiến

1. Trình tự đánh giá sáng kiến tại Hội đồng sáng kiến

a) Cấp cơ sở

- Thư ký Hội đồng sáng kiến cơ sở báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến;
- Các thành viên Hội đồng nhận xét đánh giá;
- Chủ tịch Hội đồng tóm tắt kết quả nhận xét, đánh giá sáng kiến;
- Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;
- Hội đồng sáng kiến tiến hành chấm điểm theo tiêu chí; biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng kết luận.
- Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến;
- Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến và thực hiện thủ tục công nhận hoặc thông báo từ chối công nhận sáng kiến.

b) Cấp tỉnh

- Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, ghi nhận vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trao cho người nộp hồ sơ Giấy biên nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến;
- Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh phân loại sáng kiến theo các lĩnh vực và thành lập Hội đồng chuyên môn xem xét, đánh giá và tư vấn cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh;
- Sáng kiến sau khi phân loại được gửi đến Hội đồng chuyên môn để đánh giá sơ loại. Kết quả đánh giá được tổng hợp, gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh nghiên cứu, xem xét;
- Hội đồng sáng kiến họp xét:
 - + Thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh mời Thư ký Hội đồng đánh giá kết quả của Hội đồng chuyên môn;
 - + Mời các đại diện Hội đồng chuyên môn phát biểu;
 - + Các thành viên Hội đồng và chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện;
 - + Hội đồng sáng kiến tiến hành nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu kín thông qua;

+ Thư ký Hội đồng báo cáo tổng hợp kết quả chấm điểm của các thành viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng kết luận.

+ Thư ký Hội đồng thông qua biên bản họp xét sáng kiến;

+ Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến và thực hiện thủ tục công nhận hoặc thông báo từ chối công nhận sáng kiến.

2. Thời gian đánh giá sáng kiến cấp tỉnh

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh đánh giá hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh định kỳ 2 lần/năm và họp đột xuất khi cần thiết.

Điều 9. Công nhận, hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

1. Người được công nhận sáng kiến

a) Người được công nhận sáng kiến là tác giả trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra nhưng chỉ đề nghị công nhận sáng kiến cho một người thì người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến và phải được sự đồng thuận, thống nhất của nhóm tác giả.

b) Người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến là người cùng với tác giả trực tiếp tạo ra sáng kiến, một sáng kiến tối không quá 5 người là đồng tác giả. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thời hạn công nhận sáng kiến

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm xem xét nội dung đơn và thực hiện các thủ tục sau đây:

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về Hồ sơ yêu cầu còn chưa đảm bảo theo quy định (nếu có) và ấn định thời hạn 15 ngày để tác giả hoàn thiện, bổ sung, gửi lại;

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

- Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

b) Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

3. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở ra quyết định công nhận sáng kiến và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

4. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến;

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

Mẫu giấy chứng nhận sáng kiến được quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Từ chối công nhận sáng kiến trong các trường hợp sau đây

a) Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3, Quy định này;

b) Sáng kiến mà các Ủy viên Hội đồng chuyên môn chấm không đạt thì không được xét công nhận là sáng kiến cấp tỉnh.

Việc từ chối công nhận sáng kiến do cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh thông báo bằng văn bản cho tác giả, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

6. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Hội đồng sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây

a) Người nộp đơn đề nghị công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến;

b) Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của đối tượng khác.

Điều 10. Các trường hợp được xét đặc cách công nhận Sáng kiến cấp tỉnh

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt giải trong Hội thi Sáng tạo Khoa học - Kỹ thuật cấp tỉnh hoặc khu vực;

b) Đạt giải trong các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc;

c) Được tặng danh hiệu “Tuổi trẻ sáng tạo” của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

d) Được tặng Bằng “Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

e) Là tác giả, đồng tác giả của Văn bằng bảo hộ do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp;

g) Là các tác giả đạt giải thưởng Hùng Vương về khoa học và công nghệ;

h) Người trực tiếp tham mưu, người chủ trì xây dựng và người trực tiếp phụ trách chỉ đạo chương trình, dự án, đề án có các giải pháp đột phá có tính mới, tính sáng tạo, có ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, môi trường trên địa bàn tỉnh đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh phê duyệt, ban hành.

2. Hồ sơ yêu cầu đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh qui định tại khoản a,b,c,d,e và g của điều này không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến. Người đáp ứng đủ điều kiện đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải làm đơn xin đặc cách, kèm theo bản sao (có chứng thực) các giấy tờ chứng minh một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, điều này gửi về Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh để báo cáo Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b) Người đáp ứng điều kiện đặc cách quy định tại khoản h điều này phải làm đơn xin đặc cách, kèm theo chương trình, dự án, đề án đã được ban hành và lập báo cáo, luận giải về tính mới, tính sáng tạo và tác động ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội, môi trường của các giải pháp áp dụng trong chương trình, dự án, đề án gửi cơ quan thường trực Hội đồng tổng hợp, báo cáo Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

1. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

a) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật;

b) Được tổ chức, cơ quan nhà nước xem xét hỗ trợ triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu; được giới thiệu, phổ biến môi giới chuyển giao sáng kiến;

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

a) Trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

b) Việc áp dụng chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến

1. Quyền của tác giả sáng kiến:

a) Được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến, và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

c, Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d, Được áp dụng các quyền quy định tại Khoản 1 Điều 11 của quy định này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

2. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin về sáng kiến cho cơ quan quản lý hoạt động sáng kiến;

b) Trả thù lao cho người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại điều 10 – Nghị định 13/2012/NĐ – CP ngày 2/3/2012 của Chính phủ, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Quyền của người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu: Được nhận tiền thù lao, tiền thưởng theo quy định.

2. Nghĩa vụ của người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu:

a) Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực cho tổ chức đánh giá sáng kiến và công nhận sáng kiến;

b) Giữ bí mật thông tin theo thoả thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 14. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm,...), hỗ trợ việc chuyên giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thoả thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo quy định của pháp luật hoặc mức thoả thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 15. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các doanh nghiệp, trường học tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo:

a) Tổ chức các Hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình, biểu dương các sáng kiến được áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến (trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo,...); phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua lao động sáng tạo;

2. Thủ trưởng các cơ quan có sáng kiến được công nhận có các biện pháp khuyến khích tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Điều 16. Chi phí cho hoạt động sáng kiến

1. Nội dung chi cho hoạt động sáng kiến:

a) Chi công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về sáng kiến, phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo;

b) Chi phí đầu tư tạo ra sáng kiến, áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu;

c) Chi tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến; khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sáng kiến;

d) Chi thù lao nghiên cứu, đánh giá cho các thành viên Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên môn và đại biểu mời;

e) Chi in ấn tài liệu, xăng xe, công tác phí, lưu trú đi lại thẩm tra, xác minh, đánh giá tại cơ sở về các giải pháp yêu cầu công nhận sáng kiến và các chi phí liên quan khác.

g) Chi cho tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về quản lý hoạt động sáng kiến; biên tập, xuất bản kỷ yếu về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

h) Phí dịch vụ tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Định mức chi cho hoạt động sáng kiến:

a) Định mức chi cho các nội dung a, b, c, e, g và h tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Định mức chi thù lao nghiên cứu, nhận xét, đánh giá, thẩm định của thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh, thành viên Hội đồng chuyên môn và đại biểu mời áp dụng theo mức chi hoạt động của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ và Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 về việc đính chính quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016. Trường hợp Quyết định này được UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc có quy định mới của cấp có thẩm quyền về hướng dẫn chi và định mức chi cho Hội đồng sáng kiến thì thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Định mức chi cho hoạt động sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ sở quyết định.

3. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến:

a) Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị;

b) Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thường xuyên. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến được chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

c) Các đơn vị sự nghiệp được nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và các đơn vị, tổ chức khác của nhà nước (không phải đơn vị sự nghiệp) chi trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm;

d) Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với doanh nghiệp tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn;

e) Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được bố trí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan Thường trực Hội đồng (Sở Khoa học và Công nghệ). Kinh phí hoạt động của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 17. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chế độ, chính sách của nhà nước về hoạt động sáng kiến được cụ thể hoá vào điều kiện thực tế của tỉnh Phú Thọ
2. Xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện việc xét, công nhận sáng kiến hàng năm;
3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh;
4. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định sơ bộ hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến;
5. Thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;
6. Sao và gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đến các thành viên Hội đồng đề nghị nghiên cứu, cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng;
7. Mời một số thành viên là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia,... có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng chuyên môn (nếu thấy cần thiết) để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trên các lĩnh vực;
8. Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, nội dung, chương trình cuộc họp, tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định.
9. Tổng hợp các sáng kiến đủ điều kiện được Hội đồng họp xét thông qua, hoàn thiện Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cấp giấy chứng nhận sáng kiến.
10. Lựa chọn những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế - xã hội, có ảnh hưởng rộng lớn trên địa bàn tỉnh, đề nghị khen thưởng, tổ chức tuyên truyền, nhân rộng và gửi tham dự các cuộc thi, hội thảo, hội nghị, triển lãm về hoạt động sáng kiến toàn quốc.
11. Xem xét và giải quyết những khiếu nại về hoạt động sáng kiến.
12. Bảo quản các tài liệu, hồ sơ có liên quan theo quy định về bảo mật.
13. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động sáng kiến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương, đơn vị.
14. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài;

15. Chủ trì, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Xử lý, đề xuất xử lý các hành vi xâm phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.

16. Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các tổ chức có liên quan tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

17. Định kỳ hàng năm, tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, doanh nghiệp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

2. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp để triển khai việc thi hành các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và lập kế hoạch, tổ chức thực hiện để phát triển hoạt động sáng kiến.

3. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến.

4. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp quản lý phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao, được công nhận sáng kiến ở các cấp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định dự toán, phân bổ kinh phí và thanh toán, quyết toán kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan căn cứ vào kết quả hoạt động sáng kiến để tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng, các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển, nhân rộng, thúc đẩy các hoạt động sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

PHỤ LỤC

Yêu cầu về hình thức, cấu trúc và nội dung của sáng kiến

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

1. Về hình thức:

- Bản mô tả được đánh máy vi tính, bản cứng được đóng bìa, đánh số trang (Trang bìa không đánh số trang)

- Thể thức và kỹ thuật trình bày nội dung bản mô tả sáng kiến theo Thông tư số: 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

2. Về cấu trúc:

- Bìa: thông tin trên bìa được ghi rõ ràng theo trật tự (từ trên xuống) gồm: Tên cơ quan chủ quản, tên đơn vị, tên sáng kiến, tên tác giả, chức danh, năm thực hiện. (Lưu ý: Tên sáng kiến cần ngắn gọn, cô đọng, xúc tích, phù hợp với nội dung của sáng kiến.)

- Mục lục;

- Các cụm từ viết tắt, ký hiệu (Nếu có);

- Nội dung của bản mô tả;

- Tài liệu tham khảo (Nếu có): các tài liệu về những sáng kiến đối chứng đã biết trước đó phải được trích dẫn rõ ràng, đầy đủ theo thứ tự bảng chữ cái đối với tên sáng kiến/tài liệu;

- Phụ lục (Nếu có).

3. Về nội dung bản mô tả:

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN

I. Cơ sở lý luận

II. Phương pháp tiếp cận tạo ra sáng kiến

III. Mục tiêu

IV. Sáng kiến đối chứng hoặc sáng kiến tiền đề (nếu có)

CHƯƠNG II: MÔ TẢ SÁNG KIẾN

I. NÊU VẤN ĐỀ CỦA SÁNG KIẾN:

1. Phân tích, đánh giá thực trạng vấn đề (Có số liệu minh chứng);

2. Chỉ ra các tồn tại, hạn chế (Có số liệu minh chứng);
3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế (Có số liệu minh chứng).
4. Phân tích, đánh giá và chỉ ra tính cấp thiết cần tạo ra Sáng kiến.

II. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

Trình bày những giải pháp để tạo ra sáng kiến: Trình bày, phân tích, đánh giá các nội dung trong từng giải pháp, minh chứng bằng các dữ liệu, số liệu cụ thể. Nhận xét về vai trò, tác dụng, hiệu quả của từng giải pháp, so sánh với cách thức thực hiện vấn đề trước khi sáng kiến được áp dụng;

III. KẾT QUẢ VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG, NHÂN RỘNG

- Trình bày, đánh giá các kết quả, hiệu quả đem lại từ khi sáng kiến được áp dụng (Minh chứng bằng các số liệu cụ thể), so sánh với các kết quả trước khi áp dụng sáng kiến.

- Dự báo phạm vi, lĩnh vực, khu vực và đối tượng có khả năng nhân rộng, chuyên giao sáng kiến.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trình bày các giải pháp để triển khai, thực hiện sáng kiến tại cơ sở

CHƯƠNG III: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT/KIẾN NGHỊ

- Trình bày tóm lược những nội dung cơ bản và kết quả nổi bật của sáng kiến. Đánh giá tóm tắt giá trị của sáng kiến trong lĩnh vực/phạm vi áp dụng.

- Nêu đề xuất/kiến nghị giúp phát huy hiệu quả, mở rộng phạm vi áp dụng và tăng tính khả thi của sáng kiến

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN (và đồng tác giả – nếu có)

(Ký và ghi rõ họ tên)